

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 12-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lê Thị Thanh Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lã Hải Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 176/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S - tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: tổ M, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như U và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Nguyễn Quốc V, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 11/12/2003, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 05 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Đến ngày 29/5/2005, chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 07/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: ông Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn V V1, anh Phạm V T, anh Lê Thành C, chị Vũ Thanh T và chị Bùi Thị D, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị S ở cùng gia đình tại nhà số 403, thuộc tổ M, khu A, phường C, thành phố C. Từ đầu tháng 9/2023, S nảy sinh ý định tổ chức hoạt động chứa mại dâm tại tầng hầm nhà trên để kiếm lời. S đã thuê người ngăn phòng dưới tầng hầm thành 02 phòng để làm nơi các nhân viên bán dâm cho khách. Khi khách đến mua dâm, thì S bố trí cho nhân viên ở tại nhà hoặc gọi nhân viên đến bán dâm cho

khách rồi thu tiền. Sau đó, qua các mối quan hệ xã hội, S quen biết chị Vũ Thanh T (sinh năm xxxx; trú tại tổ M, khu B, phường C, thành phố C) là gái bán dâm và thoả thuận với chị T nếu khi nào có khách đến mua dâm, S sẽ gọi điện cho chị T đến để bán dâm cho khách, tiền ăn chia sẽ thoả thuận sau. Ngày 06/9/2023, chị Bùi Thị D (sinh năm xxxx; trú tại xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh H) đến thành phố C tìm việc làm, thấy trước cửa nhà S có treo biển cho thuê nhà, nên chị D gặp S để hỏi thuê. Qua nói chuyện, S rủ chị D đến nhà S làm nhân viên bán dâm cho khách, tiền mua bán dâm mỗi lần do S thoả thuận với khách, chị D được chia 100.000 đồng/lần còn lại của S. S bố trí cho chị D ở tại phòng gác xép tầng 2, không thu chi phí ăn ở của chị D và mua bao cao su. Từ ngày 06 đến ngày 07/9/2023 S bố trí mua bán dâm hai lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 22 giờ ngày 06/9/2023, qua bạn bè nói chuyện, anh Nguyễn V V1 biết nhà S có chứa mại dâm, nên anh V1 đến gặp và thoả thuận với S mua dâm, với giá 250.000 đồng/01 lần. S nhận tiền và đưa 01 bao cao su cho chị D. Sau đó, bố trí phòng thứ nhất ở tầng hầm của nhà S để chị D bán dâm cho anh V1. S đưa cho D 100.000 đồng.

Lần thứ hai: do anh Nguyễn V V1 đã mua dâm ngày 06/9/2023, nên khoảng 23 giờ ngày 07/9/2023, anh V1 rủ bạn là các anh Phạm V T, Lê Thành C đến nhà S để mua dâm. Tại đây, anh T thoả thuận với S mua dâm của 03 gái bán dâm, với giá 250.000 đồng/lần/người, nhưng S chỉ bố trí được 02 nhân viên bán dâm, thì anh C và T lần lượt mỗi người đưa cho S 500.000 đồng, S trả lại cho anh C 250.000 đồng, còn nợ anh T 250.000 đồng sẽ trả sau. Sau đó, S gọi điện thoại cho chị T bảo đến nhà S bán dâm cho khách, thoả thuận sẽ chia cho chị T 140.000 đồng, còn lại của S. Khi chị T đến, S bảo chị D xuống bán dâm cho khách, rồi đưa bao cao su cho cả hai. Xong, S bố trí chị D bán dâm cho anh T tại phòng thứ nhất, còn chị T bán dâm cho anh C tại phòng thứ hai ở tầng hầm của nhà S. Khi anh T và chị D, anh C và chị T đang quan hệ tình dục, thì bị Công an thành phố Cẩm Phả kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng màu đỏ - vàng, nhãn hiệu “VIP”; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 03 vỏ khăn vải thơm màu trắng - xanh, nhãn hiệu “National Airlines”; 03 khăn vải thơm đã qua sử dụng, tại 02 căn phòng trên; 01 điện thoại Nokia 150, màu đen của chị T. Thu giữ của S số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen.

Khám xét khăn cấp nơi ở của Nguyễn Thị S thu giữ trong tủ lạnh ở phòng bếp 25 khăn vải thơm chưa qua sử dụng nhãn hiệu “National Airlines”, 02 bao cao su nhãn hiệu “VIP” chưa qua sử dụng; thu tại tủ gỗ trong phòng ngủ ở gác xép tầng 2 có 08 bao cao su nhãn hiệu “VIP” chưa qua sử dụng.

Ngày 20/11/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý vật chứng, tiêu hủy đối với 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng màu đỏ - vàng, nhãn hiệu “VIP”; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 03 vỏ khăn vải thơm màu trắng - xanh, nhãn hiệu “National Airlines”; 03 khăn vải thơm đã qua sử dụng; trả lại 01 điện thoại Nokia 150, màu đen cho chị Vũ Thanh T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị S khai nhận hành vi phạm tội ngày 07/9/2023 cơ bản phù hợp nội dung trên, còn ngày 06/7/2023, S không nhận hành vi của mình. S khai: trưa ngày 07/9/2023, chị D mới đến nhà S, nên ngày 06/9/2023, chị D không bán dâm tại nhà S. S chỉ đưa bao cao su cho chị T. S không biết nguồn gốc 10 bao cao su chưa qua thu giữ tại nhà S, còn khăn vải thơm

thu tại phòng bếp do S mua để sử dụng tại gia đình. Số tiền 500.000 đồng bị thu giữ, trong đó có 250.000 đồng tiền mua bán dâm S mới thu của anh C, chưa thu tiền mua bán dâm của anh T và chưa thanh toán tiền cho các gái bán dâm. Ngôi nhà trên là của vợ chồng S, ông Nguyễn Quốc V là chồng S, thường xuyên đi làm vắng nhà, không biết việc S chứa mại dâm. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung đã nêu và xác định số tiền thu lợi bất chính của S là 900.000 đồng.

Người làm chứng ông Nguyễn Quốc V có lời khai thể hiện: ông là chồng của Nguyễn Thị S và ở cùng nhà. Chiều ngày 06/9/2023, có người tên là Bùi Thị D đến nhà ông ở trọ; ông không biết việc S sử dụng nhà để thực hiện hành vi chứa mại dâm.

Người làm chứng chị Bùi Thị D có lời khai thể hiện: chiều ngày 06/9/2023 D đến nhà S thuê trọ và tìm việc làm, S giới thiệu công việc bán dâm cho D tại nhà S, S sẽ nuôi ăn ở miễn phí, D đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S bố trí cho D bán dâm cho anh V1 tại tầng hầm nhà S. Sau khi thực hiện hành vi bán dâm, S đưa cho D số tiền 100.000 đồng. Tối ngày 07/9/2023, khi D đang bán dâm cho khách tại nhà S thì bị công an bắt quả tang.

Người làm chứng anh Nguyễn V V1 có lời khai thể hiện: khoảng 22 giờ ngày 06/9/2023, anh có đến nhà S để mua dâm với chị D tại tầng hầm nhà S. Anh đưa cho S số tiền 250.000 đồng. Tối ngày 07/9/2023, anh tiếp tục đi cùng anh T, anh C đến nhà S mua dâm nhưng do chỉ có hai gái bán dâm và vì anh đã mua dâm tối hôm trước nên anh không mua dâm nữa.

Người làm chứng anh Phạm V T, anh Lê Thành C, chị Vũ Thanh T có lời khai phù hợp nhau, phù hợp lời khai của chị D về thời gian, địa điểm, nội dung diễn biến sự việc mua bán dâm tối ngày 07/9/2023 tại nhà S. Anh C khẳng định đã đưa cho S 250.000 đồng tiền mua dâm; anh T đã đưa cho S số tiền 500.000 đồng để mua dâm, S nợ lại 250.000 đồng chưa trả cho anh, anh có quan điểm hành vi mua dâm là sai nên không yêu cầu nhận lại tiền, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 186/CT-VKSCP ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị S về tội: “*Chứa mại dâm*” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thừa nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S từ 05 năm đến 05 năm 3 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy toàn bộ 25 khăn vải thơm, 10 bao cao su và 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 500.000

đồng thu giữ của bị cáo. Đối với số tiền thu lợi bất chính 400.000 đồng bị cáo đã tích cực tác động gia đình nộp lại nên không đề cập.

Bị cáo Nguyễn Thị S không tranh luận; tại lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị S chỉ thừa nhận thực hiện hành vi chứa mại dâm ngày 07/9/2023, không thừa nhận hành vi chứa mại dâm ngày 06/9/2023. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái nên đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi chứa mại dâm ngày 06/9/2023 và ngày 07/9/2023 tại nhà bị cáo như nội dung Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 08/9/2023; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản khám nghiệm và bản ảnh hiện trường; lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: ngày 06 và 07/9/2023, tại nhà Nguyễn Thị S thuộc tổ M, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, S đã có hành vi cho gái bán dâm ở và bố trí cho chị Bùi Thị D bán dâm 02 lần, chị Vũ Thanh T bán dâm 01 lần cho người khác, để thu lợi bất chính số tiền 900.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 - Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng số 186/CT-VKSCP ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm; nhân thân bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến nếp sống V hóa và là nguyên nhân gây lan truyền các căn bệnh xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc sử dụng địa điểm do mình quản lý để cho người khác thực hiện việc mua bán dâm là vi phạm pháp luật; bản thân đã bị xử lý hình sự, đi chấp hành án cũng về hành vi Chứa mại dâm, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng mà vì mục đích tư lợi và ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe,

giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa C trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố chỉ thừa nhận thực hiện hành vi chứa mại dâm ngày 07/9/2023, không thừa nhận hành vi chứa mại dâm ngày 06/9/2023, tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo là người cao tuổi, sức khỏe yếu; đã tích cực tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: bị cáo là người cao tuổi, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Ngày 06/9/2023 bị cáo thu của anh V1 250.000 đồng, đã trả cho D 100.000 đồng, còn lại 150.000 đồng; ngày 07/9/2023, bị cáo nhận của anh T 500.000 đồng, trong đó có 250.000 đồng tiền mua dâm, còn 250.000 đồng chưa trả lại anh T, anh T có quan điểm đây là tiền dùng vào việc mua dâm, nên không nhận lại tiền này, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy, đối với số tiền 400.000 đồng trên cũng là do phạm tội mà có nên truy thu của bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước (bị cáo đã tác động gia đình nộp đủ số tiền này).

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, bị cáo dùng liên lạc gọi T đến bán dâm cho khách, dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 25 khăn vải thơm; 10 bao cao su; 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: bị cáo là người cao tuổi và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí, nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với 02 đĩa DVD (đều không đánh số bút lục) lưu trữ file ghi hình có âm thanh lời khai của chị Bùi Thị D và chị Vũ Thanh T. Xét thấy nội dung trong 02 đĩa DVD là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với ông Nguyễn Quốc V là chồng của Nguyễn Thị S, ở cùng nhà, quá trình điều tra xác định ông V không biết việc S sử dụng nhà để thực hiện hành vi chứa mại dâm, nên không đề cập xử lý.

Các chị Vũ Thanh T, Bùi Thị D có hành vi bán dâm và các anh Phạm V T, Lê Thành C, Nguyễn V V1 có hành vi mua dâm, Công an thành phố Cẩm Phả đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 điện thoại Nokia 150, màu đen thu giữ của chị Vũ Thanh T; 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng màu đỏ - vàng, nhãn hiệu “VIP”; 02 bao cao su đã

qua sử dụng; 03 vỏ khăn vải thơm màu trắng - xanh, nhãn hiệu “National Airlines”; 03 khăn vải thơm đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý vật chứng: trả lại điện thoại trên cho chị T; tiêu hủy đối với các vỏ bao và bao su, vỏ khăn vải thơm và khăn vải thơm (đều đã qua sử dụng) nêu trên, nên không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội: “Chứa mại dâm”

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị S 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2023.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 25 (hai mươi lăm) khăn vải thơm chưa qua sử dụng nhãn hiệu “National Airline”; 10 bao cao su nhãn hiệu “VIP”; 01 (một) chiếc sim (không xác định số sim) trên sim có 4 dãy số: 8984, 04800, 03831, 46689 thu giữ của Nguyễn Thị S.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên bản giao nhận tài sản số 99/2023/BBBG-CQCSĐT ngày 15/11/2023 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố C và Kho bạc nhà nước C (tiền vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị S); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen. Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 51/BB-THA, ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh).

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị S số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0001266 ngày 12/01/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố C.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị S.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, CCTHADS thành phố C;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- CQCSĐT, CQTHAHS CA thành phố C;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thu Đông

